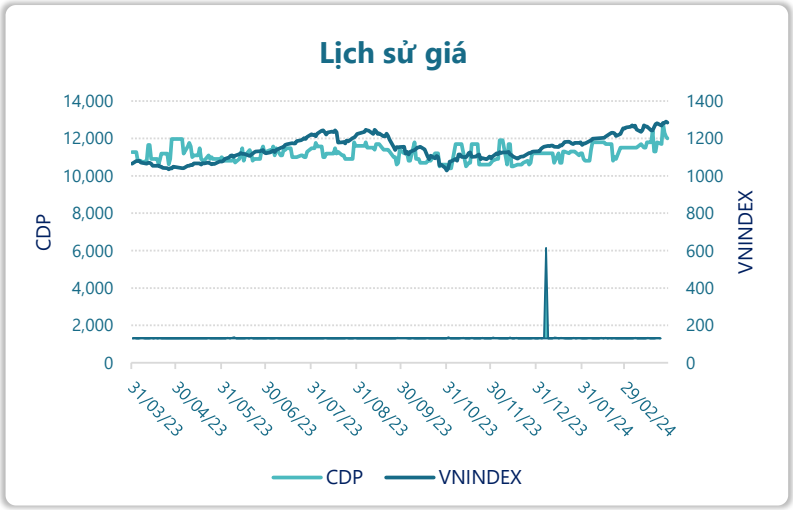
FireAnt

CTCP Dược phẩm Trung ương Codupha (UPCOM: CDP)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,400
SL cổ phiếu LH	18,208,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,020
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	219
P/E	13.6
EPS	880

DT thuần

Q1/24

605

tỷ VNĐ

QoQ: ▼430| -41.6%

YoY: ▼43.0| -6.7%

LN sau thuế

Q1/24

3.43

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.74| 103%

YoY: ▼0.66| -16.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

2.2%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2023

3,064

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.0| 0.6%

LN sau thuế

2023

9.19

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0| -60.3%

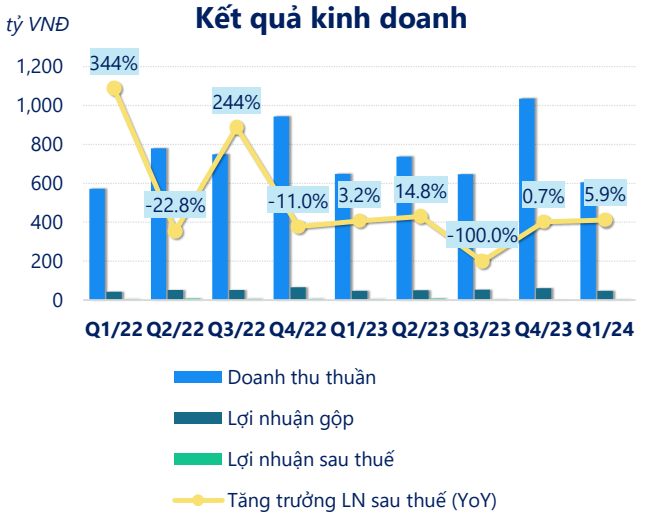
ROE

2023

4.6%

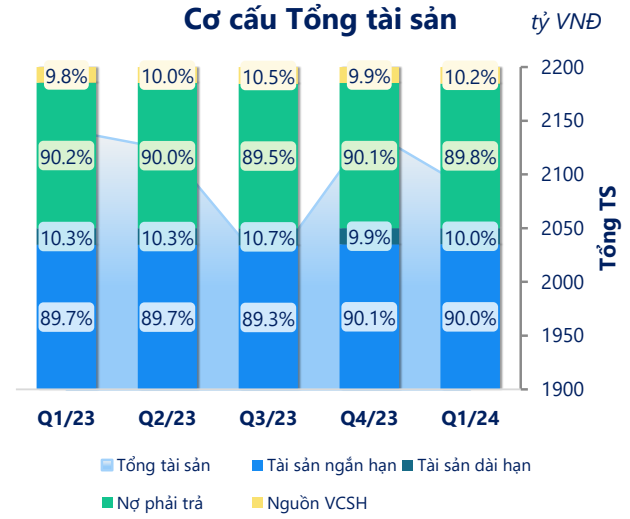
+/- YoY: ▼ 6.6%

Kết quả kinh doanh



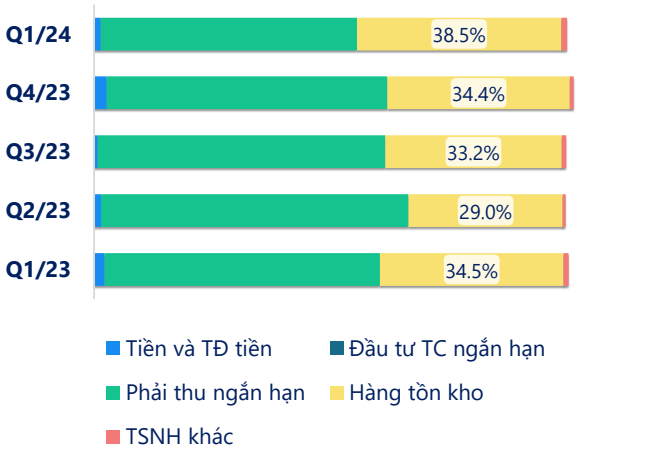
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



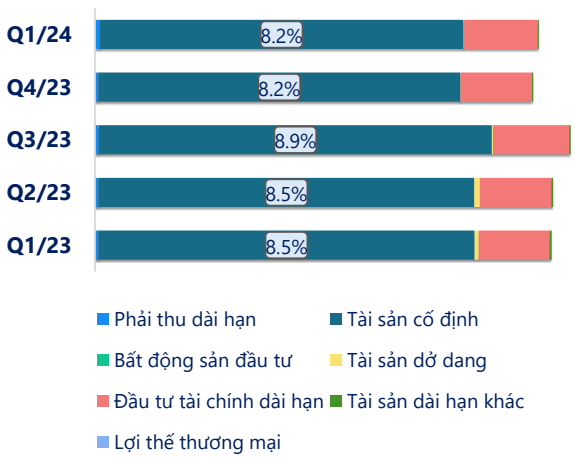
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



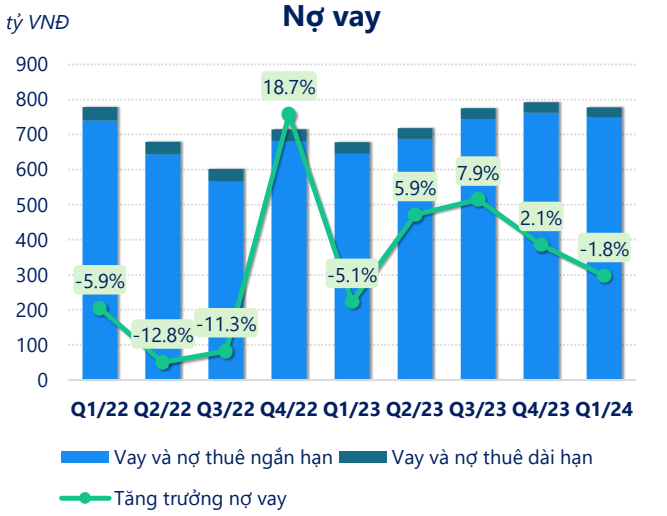
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



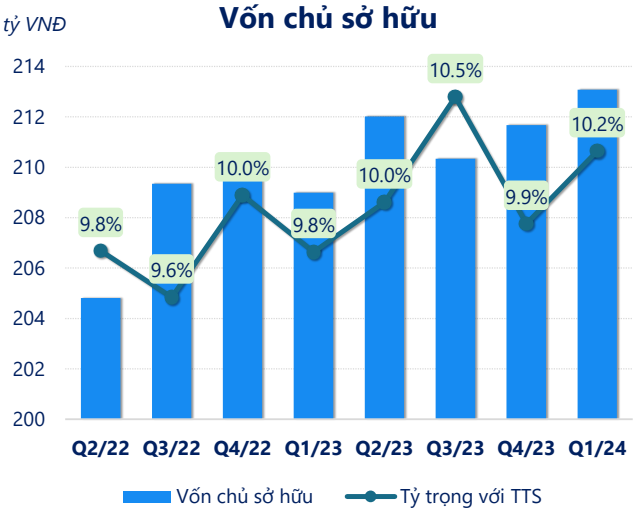
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



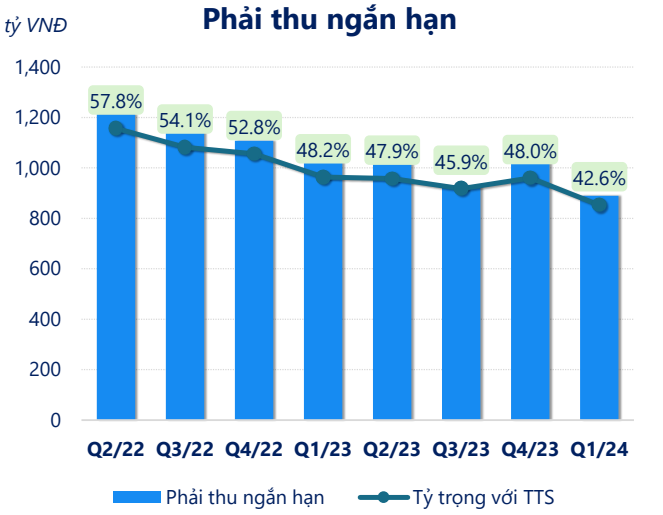
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



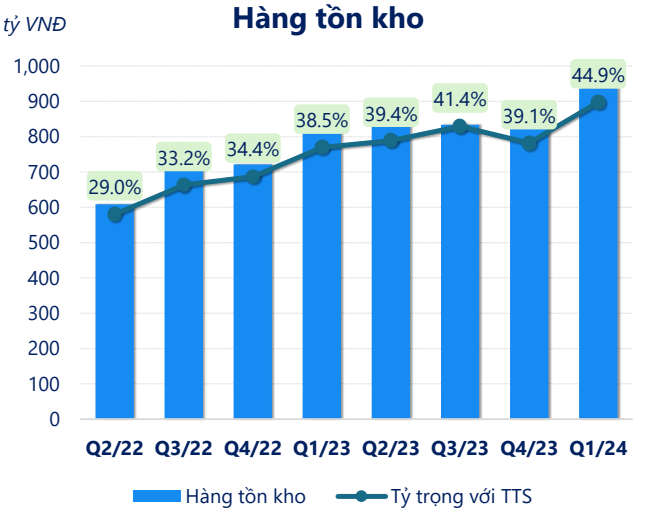
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



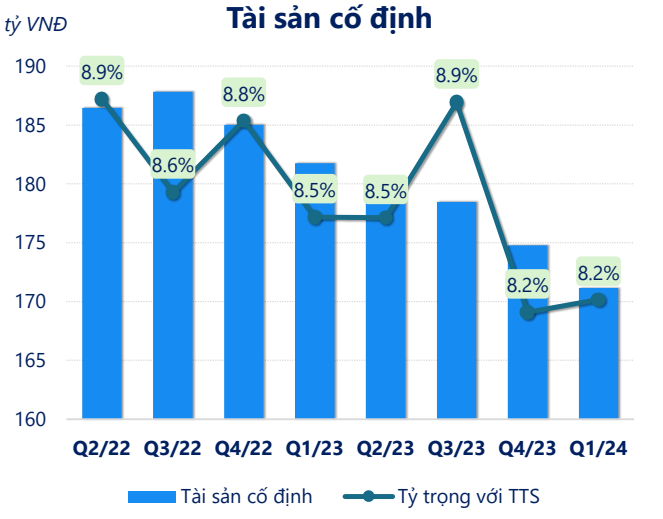
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



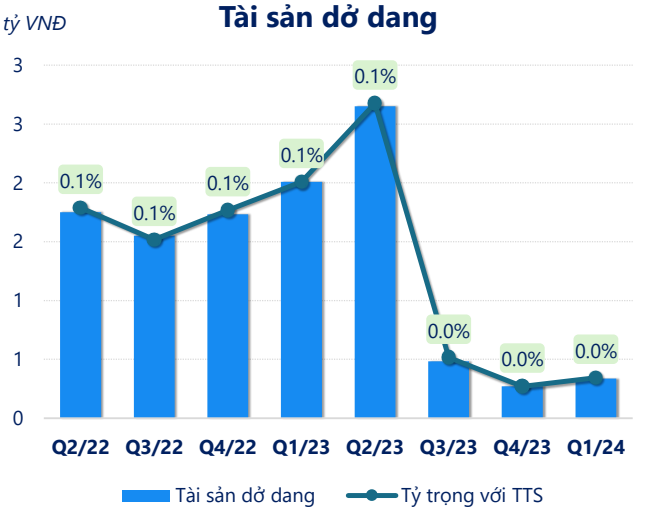
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



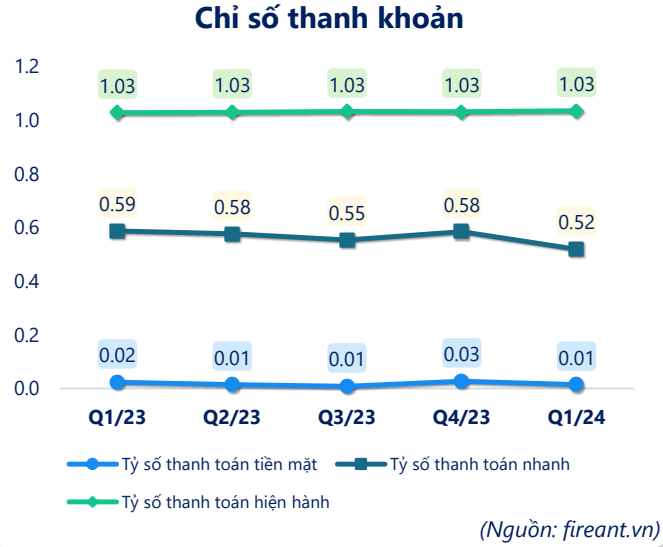
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



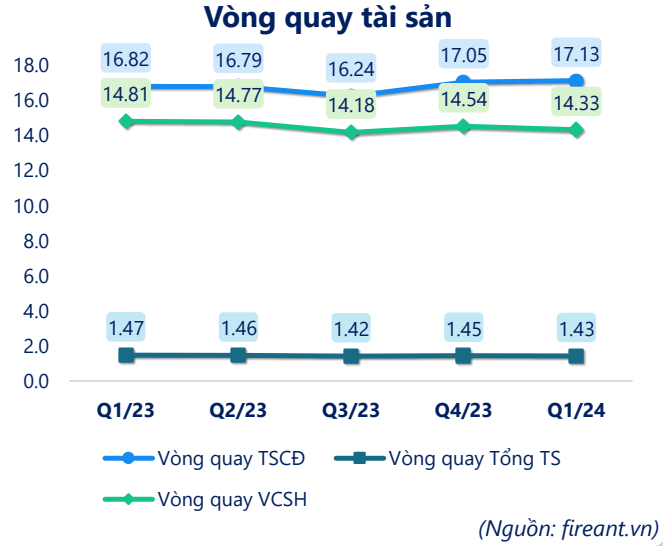
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**2,141**	**2,124**	**2,011**	**2,141**	**2,086**
Tài sản ngắn hạn	**1,921**	**1,904**	**1,795**	**1,929**	**1,877**
Tiền và tương đương tiền	42.8	27.5	14.1	50.5	26.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,031	1,017	923	1,028	889
Hàng tồn kho	824	838	833	837	936
Tài sản ngắn hạn khác	22.9	21.8	24.4	13.8	25.0
Tài sản dài hạn	**221**	**220**	**216**	**212**	**209**
Phải thu dài hạn	1.66	1.66	1.66	1.66	2.26
Tài sản cố định	182	180	178	175	171
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.01	2.65	0.48	0.27	0.34
Đầu tư tài chính dài hạn	34.3	34.2	34.5	34.5	34.6
Tài sản dài hạn khác	1.05	0.89	0.73	0.58	0.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,932**	**1,912**	**1,800**	**1,929**	**1,873**
Nợ ngắn hạn	**1,869**	**1,850**	**1,739**	**1,870**	**1,813**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	645	687	744	763	748
Phải trả người bán ngắn hạn	1,173	1,126	959	1,052	1,023
Nợ dài hạn	63.6	61.6	61.6	59.2	59.2
Vay và nợ thuê dài hạn	33.6	31.3	31.3	29.0	29.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**209**	**212**	**210**	**212**	**213**
Vốn chủ sở hữu	**209**	**212**	**210**	**212**	**213**
Vốn điều lệ	183	183	183	183	183
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)